

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:80/2018/DS-ST

Ngày:19-10-2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
góp hụi.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:74/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:65/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị O, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà O; vắng mặt bà D, chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Từ năm 2014 cho đến năm 2016, bà có tham gia 07 dây hụi do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/11/2014 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 35 phần, bà tham gia 02 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 27 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $700.000\text{đồng} \times 27 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 37.800.000\text{đồng}$.

Dây 2: Hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 05/11/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 37 phần, bà tham gia 02 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 15 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $700.000\text{đồng} \times 15 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 21.000.000\text{đồng}$.

Dây 3: Hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/01/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 36 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 25 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $700.000\text{đồng} \times 25 \text{ kỳ} = 17.500.000\text{đồng}$.

Dây 4: Hụi 2.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 30/3/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 31 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 22 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $1.400.000\text{đồng} \times 22 \text{ kỳ} = 30.800.000\text{đồng}$.

Dây 5: Hụi 500.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/11/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 37 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 15 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $350.000\text{đồng} \times 15 \text{ kỳ} = 5.250.000\text{đồng}$.

Dây 6: Hụi 500.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/01/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 36 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 25 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $350.000\text{đồng} \times 55 \text{ kỳ} = 8.750.000\text{đồng}$.

Dây 7: Hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 05/10/2016 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 31 phần, bà tham gia 02 phần, đóng hụi sống đến kỳ thứ 05 thì bà D ngưng hụi, dây hụi này bà D nợ bà số tiền hụi là $700.000\text{đồng} \times 05 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 7.000.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 07 dây hụi bà D còn nợ bà số tiền hụi là 128.100.000đồng. Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hụi 128.100.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ bà Huỳnh Thị Mỹ D nhiều lần nhưng bà D vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T (em thêm 3 T) trình bày:

Chị là em ruột của bà Nguyễn Thị O (tên thường gọi là thiêm 3 T), trong hai dây hụi 1.000.000đồng cùng khai ngày 05/11/2015 (âm lịch) có ghi tên người tham gia hụi là em thiêm 3 T, tuy nhiên chị xác định hai phần hụi này là của bà O (thiêm 3 T) trực tiếp tham gia nên việc bà O tranh chấp dây hụi này chị không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Mỹ D. Bà O không tranh chấp phần hụi 1.000.000đồng, khai ngày 05/11/2015 (âm lịch) ghi tên người tham gia trong danh sách hụi là em thiêm 3 T, với số tiền đã góp hụi là 10.500.000đồng, nếu sau này có tranh chấp em thiêm 3 T sẽ yêu cầu giải quyết sau bằng một vụ kiện khác. Bà O xác định bà chỉ yêu cầu bà D trả số tiền hụi 117.600.000đồng (128.100.000đồng – 10.500.000đồng), yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hụi 117.600.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị O yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà số tiền hụi 117.600.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin

vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị O yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hội 128.100.000đồng, tại phiên tòa bà O yêu cầu bà D trả số tiền hội 117.600.000đồng, bà O không yêu cầu giải quyết số tiền hội 10.500.000đồng của phần hội 1.000.000đồng, khai ngày 05/11/2015 (âm lịch) ghi tên người tham gia hội là em thiêm 3 T. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O. Đối với phần hội 1.000.000đồng, khai ngày 05/11/2015 (âm lịch) ghi tên người tham gia hội là em thiêm 3 T nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hội 117.600.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận hợp đồng góp hội giữa hai bên tuy không có xác lập bằng văn bản nhưng có danh sách hội và lời khai những người làm chứng thể hiện việc bà O có tham gia hội của bà D và quá trình tham gia hội đúng như bà O trình bày nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hội giữa bà Nguyễn Thị O và bà Huỳnh Thị Mỹ D là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nói rõ các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện và niêm yết các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và yêu cầu Tòa án thu thập cho bà Huỳnh Thị Mỹ D được biết và có văn bản nêu rõ ý kiến của mình nhưng bà D không có ý kiến, do vậy bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu hậu quả pháp lý của việc không có ý kiến theo quy định pháp luật. Những người làm chứng gồm Nguyễn Thị Ánh H (9 Đ), Phạm Thị N (Cô Ngọc 7 N), Phạm Thị Tuyết T (N), Nguyễn Thị H (Út L), Huỳnh Thị Lệ X (6 H), Đoàn Thị G (6 L), Phan Thị B (2 B), Ngô Thị Bé T (Út T), Nguyễn Thị L (6 L), Trần Thị Kim D (Dung T), Nguyễn Thị L (3 M), Phan Ánh V (bút lục 61-72) đều xác định hội bẻ vào tháng giêng năm 2017 và số tiền góp hội bình quân mỗi tháng đối với loại hội 2.000.000đồng/tháng là 1.400.000đồng, loại hội 1.000.000đồng/tháng là 700.000đồng, loại hội 500.000đồng/tháng là 350.000đồng nên số tiền bà Nguyễn Thị O đã góp hội cho Huỳnh Thị Mỹ D cụ thể như sau:

Đối với dây hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 15/11/2014 (âm lịch), hội một tháng khai một lần, gồm 35 phần, bà tham gia 02 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hội 27 kỳ với số tiền 700.000đồng x 27 kỳ x 02 phần = 37.800.000đồng.

Đối với dây hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 05/11/2015 (âm lịch), hội một tháng khai một lần, gồm 37 phần, bà tham gia 01 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hội 15 kỳ với số tiền 700.000đồng x 15 kỳ x 01 phần = 10.500.000đồng.

Đối với dây hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/01/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 36 phần, bà tham gia 01 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hụi 25 kỳ với số tiền 700.000đồng x 25 kỳ x 01 phần = 17.500.000đồng.

Đối với dây hụi 2.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 30/3/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 31 phần, bà tham gia 01 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hụi 22 kỳ với số tiền 1.400.000đồng x 22 kỳ x 01 phần = 30.800.000đồng.

Đối với dây hụi 500.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/11/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 37 phần, bà tham gia 01 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hụi 15 kỳ với số tiền 350.000đồng x 15 kỳ x 01 phần = 5.250.000đồng.

Đối với dây hụi 500.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 15/01/2015 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 36 phần, bà tham gia 01 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hụi 25 kỳ với số tiền 350.000đồng x 25 kỳ x 01 phần = 8.750.000đồng.

Đối với dây hụi 1.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 05/10/2016 (âm lịch), hụi một tháng khai một lần, gồm 31 phần, bà tham gia 02 phần, tính đến thời điểm tháng giêng năm 2017, bà O đã góp hụi 05 kỳ với số tiền 700.000đồng x 05 kỳ x 02 phần = 7.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền bà O đã góp hụi cho bà Dung là 117.600.000đồng. Hụi bể nhưng bà D không thực hiện việc trả lại số tiền đã góp hụi cho bà O là vi phạm hợp đồng góp hụi, nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự nên bà O yêu cầu bà D trả số tiền hụi 117.600.000đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về phương thức trả nợ, thời hạn trả nợ: Bà Nguyễn Thị O yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hụi 117.600.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà Huỳnh Thị Mỹ D đã vi phạm hợp đồng góp hụi, nghĩa vụ của chủ hụi, bà O đã nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền hụi nhưng bà D không trả mà còn cố tình trốn tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà O. Do vậy, bà O yêu cầu bà D trả một lần toàn bộ số tiền hụi còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị O, bà Huỳnh Thị Mỹ D, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O.

- Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền hụi 117.600.000đồng (một trăm mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Nguyễn Thị O có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị Mỹ D chậm thi hành việc trả tiền thì bà D còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu 5.880.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.202.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19235 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Huỳnh Thị Mỹ D, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương